

Đề cương môn Kinh tế Ngoại Thương

Mục Lục

Câu 1. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của: chủ nghĩa trọng thương, lý thuyết lợi thế tuyệt đối, lý thuyết lợi thế tương đối, lý thuyết vòng đời quốc tế của sản phẩm.	2
Câu 2. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết lợi thế tuyệt đối.....	3
Câu 3. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết lợi thế tương đối.	4
Câu 4. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết vòng đời quốc tế của sản phẩm.....	6
Câu 5. Lợi ích của ngoại thương đối với quốc gia và đối với doanh nghiệp?	7
Câu 6. Ngoại thương của 1 nền kinh tế mở, quy mô nhỏ.....	7
Câu 7. Nội dung nghiên cứu môi trường kinh tế và môi trường chính trị- pháp luật của nước khách hàng	9
Câu 8. Trình bày chiến lược xk sp thô	10
Câu 9. Trình bày chiến lược sx thay thế nk.	11
Câu 10. Trình bày chiến lược sx hướng về xk và tình hình sử dụng ở VN.	12
Câu 11. Các nguyên tắc của chính sách nhập khẩu và chính sách nk của VN giai đoạn hiện nay	13
Câu 12. Thuế quan nk và quan điểm của WTO về thuế NK.....	14
Câu 13. Khái niệm, ưu nhược điểm của những biện pháp quản lý NK thông qua các hàng rào phi thuế quan. 16	
Câu 14. Hạn ngạch và quan điểm của WTO đối vs quản lý NK bằng hạn ngạch	17
Câu 15. So sánh giữa 2 công cụ ql NK hạn ngạch và thuế quan.....	18
Câu 16. Các bp hạn chế NK tương đương thuế quan	18
Câu 17. Vai trò của xuất khẩu đối vs quá trình pt kt.....	19
Câu 18. Biện pháp gia công XK và thực trạng gia công XK tại VN	21
Câu 19. Biện pháp tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu XK. Trong đó bp nào là quan trọng nhất	23
Câu 20. Tín dụng XK và quan điểm của WTO đối vs bp này.....	27
Câu 21. K/ mặt hàng chủ lực? tại sao mặt hàng XK chủ lực của các quốc gia thường có sự thay đổi? hàng XK chủ lực của VN hiện nay là những mặt hàng nào?	29
Câu 22. So sánh 2 bp Nhà nc bảo đảm tín dụng XK và nhà nc cấp tín dụng XK. Tại sao nhà nc thường chỉ đảm bảo đền bù 60-70%khoản tín dụng?	30
Câu 23. Biện pháp trợ cấp Xk và quan điểm của WTO đối vs bp này.....	30

Câu 1. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của chủ nghĩa trọng thương

Chủ nghĩa trọng thương

a, Nội dung

- Quan điểm về thương mại quốc tế
- ✓ Đo lường sự thịnh vượng (giàu có) của 1 quốc gia bằng số lượng vàng bạc tích trữ
- ✓ Sự thịnh vượng (giàu có) của thế giới là có giới hạn. Do đó gia tăng thịnh vượng của 1 quốc gia chỉ nhờ phân chia lại của cải vật chất của thế giới.
- Quan điểm về mậu dịch quốc tế
- ✓ Duy trì thặng dư thương mại (xuất siêu)
- ✓ Chính sách bảo hộ mậu dịch
- ✓ Bảo hộ ngành dịch vụ
- ✓ Đề cao vai trò của nhà nước trong ngoại thương
- ✓ Kiểm soát nhà nước với sử dụng, trao đổi kim loại quý
- ✓ Thực hiện độc quyền mậu dịch đối với thuộc địa

b, Ưu điểm

- ✓ Là tư tưởng đầu tiên đề cập tới thương mại quốc tế
- ✓ Đánh giá được vai trò của nhà nước trong việc trực tiếp tham gia vào điều tiết hoạt động kinh tế xã hội thông qua các công cụ thuế quan, lãi suất đầu tư, các công cụ bảo hộ mậu dịch..
- ✓ Lần đầu tiên đề cập và mô tả khái niệm cán cân thương mại quốc tế
- ✓ Nhiều tư tưởng trọng thương còn tồn tại đến ngày nay

c, nhược điểm

- ✓ Quan điểm chưa đúng về của cải, nguồn gốc giàu có của 1 quốc gia
- ✓ Quan điểm chưa đúng về lợi nhuận trong thương mại
- ✓ Các lý luận còn đơn giản, chưa cho phép giải thích bản chất bên trong của các hiện tượng kinh tế.

Câu 2. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết lợi thế tuyệt đối.*Lý thuyết lợi thế tuyệt đối***a, nội dung****Lập luận nền tảng**

- ✓ Sự thịnh vượng của các quốc gia phụ thuộc không hẳn vào số lượng vàng bạc tích trữ mà phụ thuộc chủ yếu vào khả năng sản xuất hàng hóa và dịch vụ
- ✓ Chính sách k can thiệp of nhà nước vào nền kinh tế và tự do cạnh tranh.

Quan điểm về thương mại quốc tế

- ✓ K can thiệp vào hoạt động ngoại thương; thị trường mở cửa và tự do TMQT
- ✓ Xuất khẩu là yếu tố tích cực cho phát triển kinh tế
- ✓ Trợ cấp xuất khẩu là 1 dạng thuế đánh vào người dân dẫn tới sự tăng giá trong nước, cần bãi bỏ.
- ✓ Sự giàu có của 1 quốc gia phụ thuộc vào số hàng hóa và dịch vụ có sẵn hơn là phụ thuộc vào vàng.

Lợi ích của TMQT thu được do nguyên tắc phân công.

Mô hình ký thuyết lợi thế tuyệt đối

- ✓ Các giả thiết
 - Chỉ có 1 yếu tố sản xuất duy nhất- lao động
 - Chi phí sản xuất là k đổi
 - Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
 - Lao động (yếu tố sx) có thể tự do di chuyển (.) khôn khổ 1 quốc gia
 - Yếu tố sản xuất k di chuyển giữa các quốc gia.
 - Tất cả các nguồn lực sx đc sử dụng hoàn toàn (việc làm là đầy đủ và toàn dụng nhân công)
 - Có 2 quốc gia tham gia TMQT và trao đổi 2 mặt hàng
 - TMQT hoàn toàn tự do
 - Chi phí vận tải = 0
- ✓ Phát biểu

Nếu mỗi quốc gia chuyên môn hóa sản xuất và xk sp mà họ có lợi thế tuyệt đối và nhập khẩu sp mà quốc gia khác có lợi thế tuyệt đối, thì tất cả các quốc gia đều có lợi.

- ✓ Mô hình trước khi trao đổi

NSLĐ	Mỹ	Anh
Lúa mì (tạ/ng-giờ)	6	1
Vải (mét/người-giờ)	2	4

- ✓ Cơ sở mâu dịch
Lợi thế tuyệt đối : $(6 > 1)$; $(2 < 4)$
Mỹ có lợi thế tuyệt đối về lúa mì
Anh có..... vải
- ✓ Mô hình mâu dịch
Mỹ xk lúa mì, nk vải
Anh xk vải, nk lúa mì
- ✓ Mô hình sau khi trao đổi

NSLĐ	Mỹ	Anh	Tổng
Lúa mì (tạ/người-giờ)	+6	-1	+5
Vải (mét, người-giờ)	-2	+4	+2

b, ưu điểm

- ✓ Chỉ ra sự sai lầm của chủ nghĩa trọng thương về mâu dịch quốc tế
- ✓ Cminh được lợi ích của tất cả các quốc gia khi tham gia mâu dịch quốc tế trên cơ sở chuyên môn hóa sản xuất và trao đổi

c, nhược điểm

- ✓ Chỉ giải thích đc 1 phần TMQT
- ✓ Mâu dịch diễn ra khi mỗi quốc gia có lợi thế tuyệt đối về 1 sp
- ✓ Chưa giải thích đc trường hợp 1 nc bất lợi or có lợi thế tuyệt đối về mọi sp thì sẽ tham gia vào TMQT ntn?

Câu 3. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết lợi thế tương đối.

Lý thuyết lợi thế tương đối (lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo)

a, nội dung

- ✓ Lợi ích thương mại vẫn diễn ra ở những nc có lợi thế tuyệt đối về tất cả các sp
- ✓ Lợi ích do chuyên mô hóa và ngoại thương mang lại phụ thuộc vào lợi thế so sánh chứ k phải lợi thế tuyệt đối
- ✓ Ngoại thương cho phép mở rộng khả năng tiêu dùng của 1 nc

Các giả định

- Chỉ có 1 yếu tố sản xuất duy nhất- lao động
- Chi phí sản xuất là k đổi
- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo
- Lao động (yếu tố sx) có thể tự do di chuyển (.) khuôn khổ 1 quốc gia
- Yếu tố sản xuất k di chuyển giữa các quốc gia.
- Tất cả các nguồn lực sx đc sử dụng hoàn toàn (việc làm là đầy đủ và toàn dụng nhân công)
- Có 2 quốc gia tham gia TMQT và trao đổi 2 mặt hàng
- TMQT hoàn toàn tự do
- Chi phí vận tải = 0

Ví dụ

	Lúa gạo (tạ)	Vải vóc (m ²)
Hàn Quốc	6	8
Việt Nam	4	3

VN bất lợi trong cả việc sản xuất lúa gạo và vải vóc. Tuy nhiên, VN vẫn có lợi thế tương đối về sx lúa gạo

Tỷ lệ trao đổi (6/4-8/3), chọn tỷ lệ trao đổi là 2 :1, HQ chuyển 1 đơn vị nguồn lực sx gạo sang sx vải ; VN chuyển đổi 2 đơn vị nguồn lực từ sx vải sang sx gạo.

	Lúa gạo (tạ)	Vải (m ²)
Hàn quốc	-6	+8
Việt Nam	+8	-6
Tổng	+2	+2

Giải thích theo chi phí cơ hội (CPCH)

- ✓ CPCH để sx lúa gạo chính là số mét vải phải từ bỏ để sx 1 tạ gạo

HQ : 8/6m, VN 3/4m

⇒ VN có CPCH thấp hơn. Vì vậy VN có lợi thế so sánh trong sx lúa gạo

- ✓ CPCH để sx vải vóc chính là số tạ gạo phải từ bỏ để sx 1 mét vải

HQ : 6/8 tạ, VN : 4/3 tạ

⇒ HQ có CPCH thấp hơn nên HQ có lợi thế so sánh trong sx vải

⇒ VN sẽ xk lúa gạo và nk vải vóc từ HQ

b, ưu điểm

- ✓ Là 1 công cụ hữu ích để giải thích nguyên nhân của TMQT và nó đem lại lợi ích cho cả 2 quốc gia ntn

- ✓ Có thể giải thích đc TMQT của 1 nc bất lợi về tất cả các mặt hàng

c, nhược điểm

- ✓ Chỉ chú ý đến cung sx sp mà mình có lợi thế tg đối, k chú ý đến cầu tiêu dùng
- ✓ Chưa tính đến cp vận tải, bảo hiểm, thuế quan và các hàng rào bảo hộ mậu dịch
- ✓ Giá tương đối đc cấu thành bởi nhiều yếu tố : vốn, công nghệ, lao động chứ k chỉ có lao động
- ✓ Chưa tính đến yếu tố cpsx giảm dần theo quy mô

Câu 4. Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của lý thuyết vòng đời quốc tế của sản phẩm.

Lý thuyết vòng đời quốc tế của sp

a, nội dung

- Giai đoạn sáng tạo ra sp mới
 - ✓ 1 sp mới đc phát minh đầu tiên ở 1 nc có nền công nghệ hàng đầu
 - ✓ Mục đích : để phục vụ cho thị trường nội địa và sau đó xk sang các nc khác
 - ✓ Họ là những người xk ròng sp
- Giai đoạn sp phát triển
 - ✓ Sp đc sx rộng rãi ở nhiều nc phát triển khác
 - ✓ Sự cạnh tranh ngày càng cao hơn với công nghệ sx sp đc lan truyền và mô phỏng ở nhiều nc
 - ✓ Lượng xk ròng của nc phát minh sp sẽ ngày càng giảm
- Giai đoạn sp đc tiêu chuẩn hóa và bị đào thải
 - ✓ Việc sx sp sẽ đc diễn ra ở các nc đang pt và xk ngược trở lại các nc pt và các nc đã phát minh ra sp
 - ✓ Nc phát minh ra sp cũng như các nc pt khác trở thành những nc xk ròng sp này

b, ưu điểm

Mở rộng và khắc phục đc nhược điểm của lý thuyết khoảng cách công nghệ

Câu 5. Lợi ích của ngoại thương đối với quốc gia và đối với doanh nghiệp?

- Đối với quốc gia
 - ✓ Thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng đa dạng của người dân (đa dạng hóa sp và thị trường)
 - ✓ Cạnh tranh khốc liệt trên thị trường quốc tế, loại bỏ đc những doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả
- Đối vs doanh nghiệp
 - ✓ Góp phần nâng cao hiệu quả nền kt = việc tạo môi trường thuận lợi cho sx, kinh doanh ; thúc đẩy cạnh tranh vs nước ngoài
 - ✓ Có thể bán sp ở cả thị trường nội địa và nc ngoài. Có thể có lợi ích nhiều hơn ở nước ngoài vs 1 số mặt hàng
 - ✓ Có thêm nhiều khách hàng
 - ✓ Có cơ hội tìm kiếm và NK các nguồn cung cấp nguyên liệu rẻ hay các máy móc có trình độ cao phù hợp vs quy trình sx

Câu 6. Ngoại thương của 1 nền kinh tế mở, quy mô nhỏ

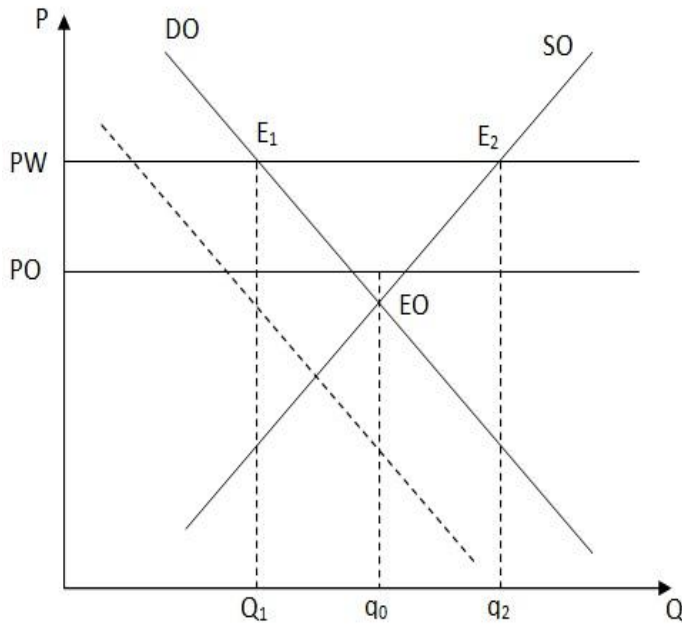
a, điều kiện chấp nhận giá

- ✓ Điều kiện để tham gia thị trường là đối với nền kinh tế nhỏ là phải chấp nhận giá
- ✓ Khả năng biến đổi giá mà vẫn duy trì sự bán hàng là rất hạn chế

b, xuất khẩu và nhập khẩu trong nền kt quy mô nhỏ mở cửa

- ✓ Cung > cầu kinh tế đóng giá giảm (giá chỉ bị ảnh hưởng của quan hệ cung cầu, k bị ảnh hưởng của đk thị trường of cùng loại sp ở nc khác)
- ✓ Cung > cầu kinh tế mở xk (giá xk đc xác định khi đưa vào thị trường quốc tế)

Xuất khẩu

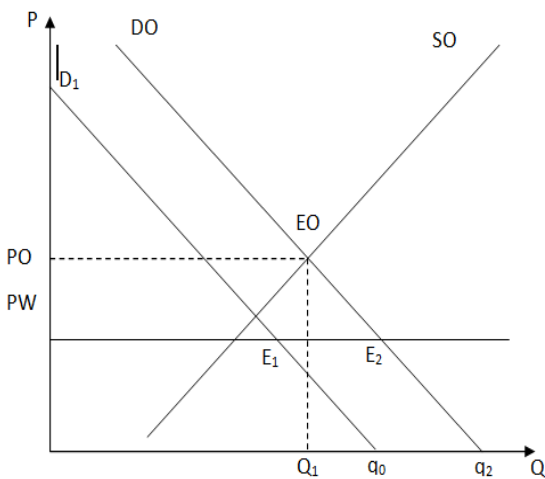


SO, DO: đường cung, cầu trong nước

EO: điểm cân bằng cung- cầu. tại đó giá là P0

PW: giá quốc tế (thông thường để xk hàng hóa, giá quốc tế phải > giá trong nc) . khi xk, giá tăng lên mức PW, điểm cân bằng tiêu dùng là E1, lượng hàng tiêu dùng trong nước là Q1, trong khi điểm cân bằng tiêu dùng là E2, cung là q2. Khi cung k thay đổi, đường cầu sẽ dịch sang vị trí D1. Lượng hàng xk là q2-Q1

Nhập khẩu



So, Do: đường cung, đường cầu trong nước

Eo: điểm cân bằng cung- cầu (k có xk, nk). Tại đó giá là Po

PW: giá quốc tế (thông thường khi nk hàng hóa, giá quốc tế thấp hơn giá của tình trạng tự cung tự cấp). khi NK giá giảm xuống còn PW, điểm cân bằng sx là E1, lượng hàng cung trong nước là Q1, trong khi điểm cân bằng tiêu dùng là E2, lượng hàng tiêu dùng là q2. Đường cầu sẽ dịch chuyển sang vị trí D1.

Kết luận: trong nền kt mở quy mô nhỏ, nếu mọi yếu tố khác cân bằng thì sự thay đổi về cung và cầu sẽ dẫn đến sự thay đổi về số hàng hoasxk và nk hơn là thay đổi về giá trong nước.

Câu 7. Nội dung nghiên cứu môi trường kinh tế và môi trường chính trị-pháp luật của nước khách hàng

a, Môi trường kinh tế của nước khách hàng

Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kt của 1 nc quyết định nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ, mức thu nhập và tỷ lệ người có công ăn việc làm của nước đó.

- ✓ Những nc có nền kt tự nhiên: nền sx nông nghiệp đơn giản, xk ít -> thu ngoại tệ thấp, thu nhập quốc dân thấp, tính chất tự cung tự cấp là chủ yếu -> ít có khả năng thâm nhập thị trường này.
- ✓ Những nc sx và xk nguyên liệu thô: là những nước giàu về 1 hay nhiều loại tài nguyên thiên nhiên nhưng nghèo về các mặt khác -> phải nhk các tư liệu tiêu dùng, các thiết bị khai khoáng,..-> là thị trường tiềm năng. Tuy nhiên điều đó còn phụ thuộc vào chính sách và nguồn tài nguyên từng nc.
- ✓ Những nc đang pt: là những nc có nền công nghiệp đang pt, đặc biệt là cn gia công-> cần nk nhiều nguyên liệu và các sp công nghiệp nặng.
- ✓ Những nc cn pt: chủ yếu xk hàng công nghiệp (sang cả các nc có nền cn pt và các nc khác) -> cần nk nguyên liệu thô, bán thành phẩm. thu nhập cao -> nhu cầu phong phú về các mặt hàng -> là thị trường rộng lớn cho mọi chủng loại hàng hóa.

Tính chất phân phối thu nhập: phụ thuộc vào hệ thống chính trị và cơ cấu kinh tế.

Gồm 3 loại:

- ✓ Có 1 số ít người giàu, thu nhập cao còn đa số mức thu nhập rất thấp
- ✓ Có mức thu nhập phần nhiều là thấp
- ✓ Có mức thu nhập nhiều là trung bình.

b, Môi trường chính trị- pháp luật của nước khách hàng.

- Thái độ của Chính phủ đối với việc mua hàng ngoại

Tùy thái độ khuyến khích hay hạn chế mua hàng ngoại -> đề ra biện pháp tương ứng.

- Sự ổn định chính trị

Môi trường chính trị ổn định , đường lối chính sách thay đổi đột ngột, luật lệ rõ ràng -> DN có thể tính toán tương đối chính xác lợi ích, có lợi nhuận ổn định. Cũng có thể trục lợi trong môi trường chính trị k ổn định.

- Chính sách tiền tệ, quản lý ngoại tệ

Vấn đề cần quan tâm: phương thức quản lý ngoại tệ (tiền bán hàng có thể tự do chuyển đổi k?), các chính sách về tỷ giá hối đoái.

- Bộ máy nhà nước

Khi giải quyết xong thủ tục XNK, cơ quan hải quan có làm việc thuận tiện, nhanh chóng và chính xác hay k?

Câu 8. Trình bày chiến lược xk sp thô

Nội dung

- ✓ Dựa chủ yếu vào việc sử dụng rộng rãi các nguồn tài nguyên sẵn có và các đk thuận lợi trong nc về các sp nông nghiệp và khai khoáng.
- ✓ Thực hiện trong điều kiện trình độ sx còn thấp, khả năng tích lũy vốn hạn chế

Ưu điểm.

- ✓ Tạo điều kiện phát triển kinh tế theo chiều rộng => tăng nguồn vốn đầu tư nc ngoài và tích lũy trong nước, giải quyết việc làm, tăng đội ngũ công nhân lành nghề => tăng quy mô sx.

- ✓ Thay đổi cơ cấu kt, góp phần tạo nguồn vốn ban đầu cho công nghiệp hóa.

Nhược điểm

- ✓ Cung sp thô k ổn định, phụ thuộc nhiều vào thời tiết
- ✓ Cầu sp thô k ổn định do:
 - ❖ Xu hướng tiêu dùng lương thực, thực phẩm tăng chậm hơn mức thu nhập, đb ở các nc cn pt.
 - ❖ Do KH-CN pt => tiêu hao nguyên liệu có xu hướng giảm
 - ❖ Do KH-CN pt => ra đời nhiều loại nguyên, nhiên vật liệu nhân tạo => cầu về sp thô có xu hướng giảm
- ✓ Giá cả sp thô có xu hướng giảm so vs hàng công nghệ => bất lợi cho các nước xk sp thô

Câu 9. Trình bày chiến lược sx thay thế nk.

2. Chiến lược sx thay thế nk

Nội dung

- ✓ Xác định số lượng và chủng loại hàng hóa nk hàng năm.
- ✓ Lập kế hoạch và tạo đk để các nhà sx trong nc nắm đc kỹ thuật (có thể thu hút FDI và chuyên gia nước ngoài) để sx ra các mặt hàng thay thế nk.
- ✓ Lập ra hàng rào bảo hộ mậu dịch để bảo vệ cho các ngành này pt

Ưu điểm

- ✓ Tạo cho nền kt phát triển toàn diện
- ✓ Đem lại sự mở mang nhất định cho các cơ sở sx
- ✓ Mở rộng phân công lao động trong nước, bước đầu hình thành các cơ sở sx kinh doanh tốt
- ✓ Ít chịu ảnh hưởng từ những biến động bên ngoài nền kt.

Nhược điểm

- ✓ Ngoại thương nói riêng và kinh tế đối ngoại nói chung k đc chú trọng. do đó k khai thác đc các tiềm năng 1 cách hiệu quả.
- ✓ Đối vs các nc đang pt, thông thường tổng cầu > tổng cung -> phải NK để bù đắp phần thiếu hụt. Nếu áp dụng các bp bảo hộ mậu dịch k mềm dẻo -> ảnh hưởng đến sx và đời sống nhân dân
- ✓ Cán cân thương mại thường thiếu hụt, nạn thiếu ngoại tệ là trở ngại lớn cho việc mở cửa nền kt vs thế giới bên ngoài.
- ✓ Do áp dụng chính sách bảo hộ mậu dịch -> tạo ra sự độc quyền ở các ngành sx
- ✓ Do các hàng rào bảo hộ mậu dịch -> ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh -> nạn buôn lậu và gian lận thương mại -> ảnh hưởng đến thu ngân sách của nhà nước, đồng thời người cuối cùng chịu mức giá cao chính là người tiêu dùng.

Câu 10. Trình bày chiến lược sx hướng về xk và tình hình sử dụng ở VN.**Nội dung**

Phân tích tiềm năng của 1 quốc gia để tìm lợi thế so sánh, tham gia vào phân công LĐ quốc tế nhằm mang lại lợi ích tối đa cho quốc gia mình

Ưu điểm

- ✓ Từ việc thu hút đầu tư nc ngoài -> thu hút đc nguồn vốn và công nghệ -> tạo ra 1 số ngành kt có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến, đạt tiêu chuẩn quốc tế, tạo ra khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa XK.
- ✓ Do chú trọng đến hoạt động ngoại thương và kt đối ngoại nên phát huy đc việc khai thác và sử dụng các tài nguyên trong nc 1 cách hiệu quả, đồng thời tận dụng đc những lợi thế từ thị trường thế giới về vốn, khoa học kỹ thuật, nguyên nhiên vật liệu

Nhược điểm

- ✓ Tạo ra sự mất cân đối giữa những ngành sx hướng về XK và sx k hướng về XK
- ✓ Ít chú ý đến các ngành cn then chốt -> nền kt thị trường bị gắn chặt vào thị trường thế giới -> thường chịu những ảnh hưởng xấu của thế giới) chủ yếu về giá cả.

4 . tình hình sử dụng ở VN.

Câu 11. Các nguyên tắc của chính sách nhập khẩu và chính sách nk của VN giai đoạn hiện nay

1 . chính sách NK của VN.

- ✓ Nk vật tư là chủ yếu (xăng dầu, sắt thép, dụng cụ phụ tùng, bông sợi)
- ✓ NK hàng tiêu dùng thiết yếu mà trong nc k sx đc or sx k đáp ứng đc nhu cầu, hạn chế tối đa nk hàng xa xỉ phẩm
- ✓ NK thiết bị toàn bộ, dây chuyền sx tiên tiến có t/c đổi mới công nghệ, đb ưu tiên nk kỹ thuật, công nghệ để sx hàng XK

2 . các nguyên tắc của chính sách nk

a, sử dụng vốn NK tiết kiệm, hợp lý, mang lại hiệu quả kinh tế cao

y/c:

- ✓ Xác định cơ cấu hàng NK 1 cách hợp lý đối vs kế hoạch pt kt xã hội và KH-KT của VN.
- ✓ Khi sd vốn NK cần tiết kiệm, mặt hàng cần trước->nhập trước, cần sau ->nhập sau, chưa cần ngay or trong nc sx đc-> kiên quyết k nhập. chú trọng sx thay thế hàng NK.
- ✓ Khi NK phải nghiên cứu thị trường để NK đc hàng tốt, giá cả phù hợp, kịp thời, phù hợp về chủng loại, nhanh chóng huy tác dụng đẩy mạnh sx và nâng cao đời sống nhân dân.

b, NK thiết bị, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, phù hợp vs đk của VN.

Tiêu chuẩn máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại:

- ✓ Năng suất lao động
- ✓ Mức tiêu hao nhiên vật liệu
- ✓ Chất lượng (độ bền, độ tin cậy)
- ✓ Độ ô nhiễm môi trường

Phù hợp vs đk VN: về vốn nk, trình độ quản lý và sd, kế hoạch pt kt- xh và KH-KT trong nước, phù hợp vs chính sách khu vực, vs thời tiết khí hậu VN.

c, NK phải bảo vệ và thúc đẩy sx pt, tăng XK

NK bảo vệ và thúc đẩy sx

Do cơ sở vật chất- kỹ thuật yếu kém, máy móc lạc hậu-> phải NK để pt sx

Do ảnh hưởng của cm khoa học kỹ thuật -> cung thế giới> cầu thế giới. Mặt #, các ngành sx of VN còn non trẻ-> sp kém tính cạnh tranh -> phải có chính sách bảo hộ. tuy nhiên k nên bảo hộ = bất cứ giá nào

Nguyên tắc này đã đc pháp lệnh hóa thành danh mục hàng cấm, hàng quản lý = hạn ngạch, = kế hoạch định hướng và quản lý các cơ quan chuyên ngành mà hàng năm nhà nc công bố. tuy nhiên cần hạn chế 1 cách hợp lý.

NK làm tăng Xk

Vòng tròn: sx pt -> hàng hóa tăng -> XK tăng -> sx tăng.

Ngoài ra còn có các nguyên tắc sau:

- ✓ Lấy NK kéo XK: dùng hàng đã tồn kho đổi lấy hàng tồn kho
- ✓ Lấy XK để kéo NK: dùng hàng quý hiếm đổi lấy hàng quý hiếm
- ✓ Lấy NK để nuôi XK: muốn XK phải có nguồn lực sx
- ✓ Lấy NK để chống NK: NK công nghệ để sx thành phẩm → chống nhập khẩu thành phẩm từ nc ngoài.

Câu 12. Thuế quan nk và quan điểm của WTO về thuế NK

1. Thuế quan nk

K/N: thuế quan là 1 khoản tiền mà chủ hàng XK, NK or quá cảnh phải nộp cho cơ quan Hải quan of 1 nc.

Thuế NK là 1 loại thuế đánh vào hàng hóa NK

Mục đích

- ✓ Thuế NK góp phần vào việc bảo hộ và pts x thông qua việc làm tăng giá của hàng NK.

- ✓ Thuế NK tạo nguồn thu cho NSNN
- ✓ Thuế NK góp phần điều tiết hoạt động NK và hướng dẫn tiêu dùng trong nước
- ✓ Thuế NK là công cụ phân biệt đối xử trong thương mại, gây áp lực đòi bạn hàng phải nhượng bộ trong đàm phán
- ✓ Giảm thuế quan góp phần thực hiện chính sách tự do hóa thương mại, là bp quan trọng để đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và thế giới về kinh tế
- ✓ Tiết kiệm ngoại tệ do hạn chế NK, cải thiện đc cán cân thanh toán quốc tế
- ✓ Phân bổ lại lợi ích kinh tế- xh

Tác động

(biểu đồ)

- ✓ Giả sử giá quốc tế là P_1 . Khi tự do thương mại, sản lượng sx là q_1 , sản lượng tiêu dùng là q_2 ; sản lượng NK: $q_2 - q_1$
- ✓ Khi hạn chế NK: đánh thuế NK $t = P_2 - P_1$; sản lượng sx là q_3 , sản lượng tiêu dùng là q_4 , sản lượng XK là $q_4 - q_3$
- ✓ $P_1 P_2 M' N'$ là mất mát do thuế quan mang lại
- Những hạn chế khi áp dụng mức thuế suất quá cao
 - ✓ Gây ra tình trạng độc quyền đối vs sx trong nước, làm cho hàng hóa sx trong nước mất khả năng cạnh tranh
 - ✓ Gây ra tình trạng trốn lậu thuế và gian lận thương mại ảnh hưởng tới người tiêu dùng
 - ✓ Gây ra tâm lý sính hàng ngoại

Giá tính thuế và p_2 tính thuế

- ✓ Giá tính thuế

Theo GATT, trị giá hàng NK phải đc xác định căn cứ vào trị giá thực tế của hàng hóa đó, k đc dựa vào giá của hàng ở nc xuất xứ or trị giá áp đặt vô căn cứ, phải là mức giá mà hàng đó or hàng hóa tương tự có thể đc bán trong 1 thương vụ bình thường vs đk

cạnh tranh thoải mái, k có sự thông đồng giữa người mua vs người bán để lập chứng từ giả làm sai lệch trị giá thực của hàng hóa NK

✓ Các phương pháp tính thuế

Cách 1: tuyệt đối

Số tiền thuế phải nộp = số lượng x mức thuế tuyệt đối đơn vị

Cách 2: tương đối

Số tiền thuế phải nộp = trị giá x thuế suất

Cách 3: hỗn hợp: vừa áp dụng theo số lượng, vừa theo trị giá

Cách 4: lựa chọn: lựa chọn 1 trong 2 cách tính theo giá or theo số lượng

Cách 5: hạn ngạch thuế: áp dụng thuế suất 0% or thấp khi NK trong hạn ngạch, nhưng phải chịu thuế cao khi NK ngoài hạn ngạch đối vs phần vượt quá

2. Quan điểm của WTO về thuế quan

Theo WTO, cản trở thuế quan và phi thuế quan dần dần phải dỡ bỏ nhưng do xuất phát điểm về mặt kinh tế giữa các nước thành viên WTO là khác nhau, WTO vẫn cho phép các nước sd thuế quan để bảo vệ sx trong nc, nhưng phải ràng buộc và cam kết mức thuế tiến tới dần dần dỡ bỏ hoàn toàn.

Câu 13. Khái niệm, ưu nhược điểm của những biện pháp quản lý NK thông qua các hàng rào phi thuế quan

Khái niệm

Theo WTO, hàng rào phi thuế quan là những biện pháp phi thuế quan mang tính cản trở đối vs thương mại mà k dựa trên cơ sở pháp lý, khoa học or bình đẳng

Ưu điểm

- ✓ Phong phú về hình thức
- ✓ Đáp ứng nhiều mục tiêu
- ✓ Nhiều biện pháp hạn chế NK phi thuế quan chưa bị cam kết ràng buộc cắt giảm or loại bỏ

Nhược điểm

- ✓ K rõ ràng và khó dự đoán
- ✓ Khó khăn và tổn kém trong quản lý
- ✓ K tăng thu ngân sách
- ✓ Gây bất bình đẳng, thậm chí độc quyền ở 1 số DN
- ✓ Làm cho tín hiệu thị trường kém trung thực

Câu 14. Hạn ngạch và quan điểm của WTO đối vs quản lý NK bằng hạn ngạch**1. Hạn ngạch****K/n**

Là quy định của nhà nc về số lượng or giá trị của 1 mặt hàng or 1 nhóm mặt hàng đc xuất đi (or nhập về) đến (từ) 1 thị trường nào đó trong 1 thời gian nhất định

Căn cứ xd hạn ngạch

- ✓ Kế hoạch pt nền KTQD
- ✓ Khả năng sx và nhu cầu tiêu dùng trong nc
- ✓ Chính sách bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ sx và hướng dẫn tiêu dùng trong nc
- ✓ Cam kết of chính phủ đvs các nc

Các loại hạn ngạch:

- ✓ Hạn ngạch quốc gia
- ✓ Hạn ngạch khu vực (hiệp hội)
- ✓ Hạn ngạch thế giới (toàn cầu)

Tác động

- ✓ Chính phủ không có thu nhập từ hạn ngạch. Khi 1 số hạn ngạch được dùng để hạn chế NK thay cho thuế quan thì lượng tiền thuế đáng ra CP thu được sẽ rơi vào bất kỳ người nào có giấy phép NK theo hạn ngạch
- ✓ Hạn ngạch có thể biến 1 DN trong nước trở thành kẻ độc quyền. do đó họ có thể áp đặt giá cả độc quyền để thu được lợi nhuận tối đa

Điều XI- GATT 1994 quy định các nước không được sử dụng biện pháp này. Tuy nhiên, điều XVIII của hiệp định trên vẫn quy định 1 số TH đặc biệt được sử dụng hạn ngạch:

- ✓ Sử dụng hạn ngạch nhằm hạn chế tạm thời, ngăn ngừa, khắc phục sự khan hiếm trầm trọng về lương thực, thực phẩm và các sản phẩm thiết yếu khác
- ✓ Sử dụng hạn ngạch nhằm bảo vệ tình hình tài chính đối ngoại và cán cân thanh toán của nước mình
- ✓ Các nước đang phát triển được phép sử dụng hạn ngạch trong chương trình của CP về đẩy mạnh phát triển kinh tế, hoặc bảo vệ 1 số ngành công nghiệp

2. Quan điểm của WTO

Các nước không được sử dụng biện pháp này. Nó không thể hiện tính minh bạch như thuế quan, tính pháp lý không cao = thuế quan, thời gian áp dụng ngắn, thường dưới 1 năm

Hạn ngạch dễ biến tướng hơn thuế quan

Câu 15. So sánh giữa 2 công cụ quản lý NK hạn ngạch và thuế quan

- Giống nhau: Đảm bảo hộ nền sản xuất trong nước.
- Khác nhau:

Hạn ngạch	Thuế quan
Cho biết trước số lượng hàng hóa ngoại nhập (chính phủ áp đặt số lượng)	Không cho biết trước
Không mang lại lợi ích cho chính phủ nhưng mang lại lợi ích cho những đơn vị xin được hạn ngạch	Mang lại lợi ích cho chính phủ
Điều chỉnh số lượng	Dùng biểu thuế để điều chỉnh
Ít bị chi phối trong thương mại quốc tế => là biện pháp tự vệ trong thương mại.	Bị chi phối

Câu 16. Các bp hạn chế NK tương đương thuế quan

1. Xác định trị giá hải quan

- Trị giá giao dịch

Là trị giá đc xđ trên cơ sở giá thực tế trả or sẽ trả dựa trên hóa đơn or ghi trên hợp đồng

- Trị giá giao dịch hàng giống hệt

Trị giá hải quan sẽ xđ như trị giá hàng giống hệt đc XK cho cùng 1 nc NK vào cùng thời điểm

- Trị giá giao dịch của hàng tương tự

Hàng hóa tương tự là hàng hóa k giống nhau về mọi phương diện nhưng có vật liệu cấu thành tương đương cho phép chúng có thể thực hiện chức năng và có thể thay thế nhau về mặt thương phẩm

- Trị giá khấu trừ: giá bán của hàng hóa trong thị trường nội địa trừ những khoản phí
- Trị giá tính toán

Trị giá hải quan dựa vào tổng cpsx ra hàng hóa NK

2. Định giá

- ✓ Định giá bán tối đa (sd ở những nc pt)
- ✓ Định giá bán tối thiểu: giá sàn

3. Biện phí

Mức chênh lệch giữa giá nội địa của hàng hóa cùng loại trừ đi mức giá của hàng NK - > k minh bạch, thường đc yêu cầu chuyển sang thuế quan

4. Phụ thu

Sd ở những nc pt góp phần bảo hộ sx trong nc cùng vs thuế quan tạo thêm nguồn thu ngân sách, bình ổn giá

Câu 17. Vai trò của xuất khẩu đối vs quá trình pt kt

1. Tạo nguồn vốn chủ yếu cho NK, phục vụ CNH, HĐH đất nc

Để khắc phục tình trạng nghèo nàn, chậm pt -> phải thực hiện CNH, HĐH đất nc

Để CNH trong thời gian ngắn -> yêu cầu phải có nguồn vốn lớn. Nguồn vốn để NK có thể hình thành từ các nguồn sau:

- ✓ Đầu tư nc ngoài (FDI)
- ✓ Vay nợ, viện trợ (ODA)
- ✓ Thu từ hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ (du lịch, vận tải, bảo hiểm, ngân hàng, bưu điện)
- ✓ XK lao động

Xk là nguồn thu ngoại tệ chính -> là phương tiện chính để nk vật tư, thiết bị máy móc, tư liệu tiêu dùng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH ở VN.

2. Góp phần vào việc dịch chuyển cơ cấu kt, thúc đẩy sx pt

- ✓ XK tạo đk cho các ngành khác có cơ hội pt thuận lợi
- ✓ Mở rộng thị trường tiêu thụ, góp phần cho sx pt ổn định
- ✓ Mở rộng khả năng cung cấp đầu vào cho sx, nâng cao năng lực sx trong nước
- ✓ Thông qua Xk yêu cầu hàng hóa phải tham gia vào quá trình cạnh tranh -> yêu cầu phải tổ chức lại sx, hình thành cơ cấu sx thích nghi vs thị trường
- ✓ Yêu cầu các DN đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý

3. XK có tác động tích cực đến việc giải quyết công ăn việc làm, cải thiện đời sống nhân dân

- ✓ Bản thân các ngành tham gia vào XK (dịch vụ và sx hàng Xk) tạo ra công ăn việc làm và thu nhập cho nhân dân
- ✓ XK tăng -> sx pt -> giải quyết công ăn việc làm, đời sống nhân dân đc nâng cao
- ✓ XK là phương tiện tạo ra nhiều ngoại tệ nhất -> là phương tiện NK tư liệu tiêu dùng nhiều nhất -> đời sống nhân dân đc nâng cao

4. Là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các mối quan hệ đối ngoại của VN

- ✓ k/n về kinh tế đối ngoại: là quan hệ về kt- thương mại- khoa học công nghệ của 1 quốc gia vs bên ngoài

- ✓ các hình thức kt đối ngoại: XK, đầu tư, dịch vụ (du lịch, ngân hàng, bảo hiểm), XK sức lao động

việc XK và sx hàng XK thúc đẩy các quan hệ tín dụng, đầu tư, vận tải,..đồng thời thông qua cơ cấu hàng Xk của 1 số quốc gia có thể biết đc nc đó có gì và thiếu gì - > các nc khác sẽ bổ sung những thứ còn thiếu nhằm thu lợi nhuận tối đa

Câu 18. Biện pháp gia công XK và thực trạng gia công XK tại VN

1. biện pháp gia công XK

a. khái niệm

Gia công XK là đưa các yếu tố sx (chủ yếu là nguyên liệu) từ nc ngoài về để sx hàng hóa, nhưng k phải để tiêu dùng trong nc mà là để XK thu ngoại tệ chênh lệch do tiền công đem lại.

b. các hình thức gia công quốc tế

- Căn cứ vào việc chuyển giao quyền sở hữu

- ✓ Quan hệ gia công chủ động

Nước (or người) đặt gia công cung cấp nguyên liệu or bán thành phẩm (k chịu thuế quan) cho nước (or người) nhận gia công để chế biến sp và XK trở lại cho nước (or người) gia công

Là hình thức giao nguyên liệu-nhận sp. Chưa có sự chuyển giao quyền sở hữu đối vs nguyên liệu

- ✓ Quan hệ gia công thụ động

Là hình thức mua nguyên liệu- bán sp. Nguyên liệu or bán thành phẩm đc xuất đi nhằm gia công chế biến và sau đó nhập thành phẩm trở lại. Trong quan hệ này, quyền sở hữu đối vs nguyên liệu đã đc chuyển giao. Vì vậy khi nhập trở lại các bộ phận giá trị thực tế tăng thêm ddefu phải chịu thuế quan

- Căn cứ vào lĩnh vực sx

- ✓ Gia công sp công nghiệp XK (bao gồm cả thủ công nghiệp)

- ✓ Gia công sp nông nghiệp XK (gồm trồng trọt và chăn nuôi)

- Căn cứ vào sự chuyển giao nguyên vật liệu, máy móc thiết bị

$C1$ (máy móc thiết bị) + $C2$ (nguyên vật liệu) + V (lao động) + m (giá trị thặng dư)

✓ TH1:

Bên A: $C1 + C2$

Bên B: V

M: chia theo tỷ lệ của các bên

✓ TH2:

Bên A: $C2$

Bên B: $V + C1$

➔ Tỷ lệ chia của B cao hơn

✓ TH3:

Bên A: $C2b$

Bên B: $V + C1 + C2a$ (TH B có tỷ lệ phân chia lợi nhuận cao nhất)

c. tác dụng của gia công

- ✓ Qua gia công X_k , k những chúng ta có đk giải quyết công ăn việc làm cho người lao động mà còn góp phần tăng thu nhập quốc dân và đb tăng nguồn thu ngoại tệ
- ✓ Thúc đẩy các cơ sở sx trong nc nhanh chóng thích ứng vs đòi hỏi của thị trường thế giới, góp phần cải tiến các quy trình sx trong nc theo kịp trình độ quốc tế
- ✓ Tạo đk thâm nhập vào thị trường các nc tránh những biện pháp hạn chế N_k do các nước đề ra
- ✓ Khắc phục khó khăn do thiếu nguyên liệu để sx các mặt hàng X_k , đb trong ngành công nghiệp nhẹ. Tranh thủ vốn và kỹ thuật của nc ngoài.

d. yêu cầu đối vs hoạt động gia công

- ✓ Về mặt hàng gia công: tập trung vào những mặt hàng tiêu dùng truyền thống, trước hết là những mặt hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp nhẹ cũng như 1 số ngành lắp ráp hàng cn tiêu dùng

- ✓ Về lựa chọn khách hàng gia công: tìm đến những khách hàng có nhu cầu cần gia công lớn, có tính chất lâu dài và ổn định
- ✓ Cần giải quyết 1 số khó khăn trong nước như:
 - Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại cho các cơ sở gia công
 - Khắc phục thói làm ăn tùy tiện của các cơ sở gia công về quy cách, phẩm chất, về thời gian giao hàng...

2. Thực trạng gia công Xk tại VN

- Các mặt hàng gia công chính tại VN
 - ✓ Giày da
 - ✓ Hàng may mặc
 - ✓ Phần mềm
 - ✓ Đồ gỗ

Hầu hết các hợp đồng gia công đc ký kết theo hình thức đơn giản là nhận nguyên vật liệu và giao lại thành phẩm. Phần lớn các hợp đồng nguyên vật liệu phụ cũng do bên đặt gia công cấp. chúng ta ít có cơ hội sd đc các nguyên vật liệu của mình. Gia công XK là hình thức XK gián tiếp sức lao động. chúng ta vẫn thường thực hiện giao thành phẩm theo đk FOB và nhận nguyên vật liệu theo đk CIF cảng VN.

Câu 19. Biện pháp tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu XK. Trong đó bp nào là quan trọng nhất

1. Xd các mặt hàng XK chủ lực

- Hàng chủ lực là loại hàng chiếm vị trí quyết định trong kim ngạch XK do có thị trường ngoài nước và đk sx trong nc thuận lợi
- Một mặt hàng chủ lực ra đời ít nhất cần có 3 yếu tố cơ bản sau :
 - ✓ Có thị trường tương đối ổn định và luôn cạnh tranh đc trên thị trường đó
 - ✓ Có nguồn lực để tổ chức sx và sx vs cp thấp để thu đc lợi trong buôn bán
 - ✓ Có khối lượng kim ngạch lớn trong tổng kim ngạch XK của đất nc

- Ý nghĩa
 - ✓ Mở rộng quy mô sx trong nc -> kéo theo việc chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, mở rộng và làm phong phú thị trường nội địa
 - ✓ Tăng nhanh kim ngạch XK
 - ✓ Tạo đk giữ vững, ổn định thị trường XK và NK
 - ✓ Tạo cơ sở vật chất để mở rộng các quan hệ hợp tác kt, KH-KT vs nc ngoài

2. Gia công XK

- Khái niệm

Gia công XK là đưa các yếu tố sx (chủ yếu là nguyên liệu) từ nc ngoài về để sx hàng hóa, nhưng k phải để tiêu dùng trong nc mà là để XK thu ngoại tệ chênh lệch do tiền công đem lại.
- Tác dụng của gia công
 - ✓ Qua gia công Xk, k những chúng ta có đk giải quyết công ăn việc làm cho người lao động mà còn góp phần tăng thu nhập quốc dân và đb tăng nguồn thu ngoại tệ
 - ✓ Thúc đẩy các cơ sở sx trongnc nhanh chóng thích ứng vs đòi hỏi của thị trường thế giới, góp phần cải tiến các quy trình sx trong nc theo kịp trình độ quốc tế
 - ✓ Tạo đk thâm nhập vào thị trường các nc tránh những biện pháp hạn chế Nk do các nước đề ra
 - ✓ Khắc phục khó khăn do thiếu nguyên liệu để sx các mặt hàng Xk, đb trong ngành công nghiệp nhẹ. Tranh thủ vốn và kỹ thuật của nc ngoài.

3. Đầu tư cho XK

- Ý nghĩa

Đặc điểm của nền kt nc ta: sx nhỏ còn là phổ biến, sx phân tán, trình độ công nghệ lạc hậu

-> hàng XK manh mún, quy mô bé, chủ yếu ở dạng sơ chế, khả năng cạnh tranh yếu

Để tăng nhanh nguồn hàng XK, chúng ta k thể trông chờ vào việc thug om những của cải tự nhiên, cũng k thể chỉ dựa vào việc thu mua những sp thừa nhưng rất bấp bênh của nền

sx nhỏ, phân tán or bằng lòng vs năng lực sx của các cơ sở cn hiện có, chúng ta phải xd thêm nhiều các cơ sở sx mới để tạo ra nguồn hàng XK dồi dào, tập trung, có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế. do đó đầu tư vốn là bp cần đc ưu tiên để gia tăng XK.

- Các biện pháp khuyến khích đầu tư XK
 - ✓ Khuyến khích đầu tư trong nc: các hình thức ưu đãi cao nhất dành cho sx hàng xk
 - ✓ Khuyến khích đầu tư qua thuế
 - ✓ Khuyến khích đầu tư qua chính sách tín dụng
 - ✓ Khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp và khu chế xuất
- Coi trọng hiệu quả của vốn đầu tư
 - ✓ Sự cần thiết và mức độ cần thiết phải đầu tư: để có sức thuyết phục về sự cần thiết và mức độ cần thiết đối vs khoản vốn đầu tư ta cần xd cụ thể bằng cách tính toán:
 - Nhu cầu của thị trường hiện tại
 - Dự báo nhu cầu của thị trường tương lai
 - Khả năng chiếm lĩnh thị trường
 - Khả năng cạnh tranh trên thị trường
 - ✓ Quy mô đầu tư

Quy mô của đầu tư lớn nhỏ phụ thuộc vào tính chất của từng loại sp, quy mô of thị trường, khả năng vốn có thể huy động

Trong hoàn cảnh nc ta hiện nay, vốn đầu tư chưa nhiều ta cần lưu ý tới các cơ sở sx đòi hỏi vốn đầu tư k lớn, hiệu suất đầu tư tương đối cao, thời gian xd, mở rộng cơ sở sx và thu hồi vốn tương đối nhanh

- ✓ Hiệu quả kinh tế

Để đảm bảo đạt đc hiệu quả kt cao cần:

- Đầu tư đồng bộ để tạo r asp hoàn chỉnh
- Đầu tư vào sx các sp có dung lượng thị trường lớn, ổn định nhằm thu đc hiệu quả kt theo quy mô

- Lựa chọn công suất thích hợp cho dự án
- Nguồn vốn đầu tư cho sx hàng XK

Vốn đầu tư cho sx hàng xk của nc ta hiện nay bao gồm:

- ✓ Vốn đầu tư nước ngoài
- ✓ Vốn đầu tư trong nc
 - Vốn nhà nc
 - Vốn của tư nhân

Cần coi trọng việc thu hút vốn của tư nhân vào việc đầu tư cho xk. Việc nhà nc ban hành luật đầu tư trong nc sẽ là cơ sở pháp lý để các tp kt hàng hái bỏ vốn ra đầu tư, nhất là đầu tư vào sx ra hàng XK

Để khuyến khích bỏ vốn đầu tư làm ra hàng XK, nhà nc cần có các chính sách ưu tiên cho lĩnh vực này như: cho phép vay vốn với lãi suất ưu đãi thấp, giảm or miễn thuế lợi tức 1 năm....

4. Lập các khu kt tự do

- ✓ khu kho bảo thuế: là kho để lưu giữ hàng hóa của nước ngoài k cần làm thủ tục XNK, thường đặt ở khu vực hải quan của 1 nc
- ✓ cảng tự do: là cảng mà tại đó áp dụng Quy chế ngoại quan, theo đó hàng hóa từ nc ngoài vào và từ cảng đi ra, đc vận chuyển 1 cách tự do mà k phải chịu thuế quan. Chỉ khi nào hàng hóa vào nội địa mới phải chịu thuế quan
- ✓ khu mậu dịch tự do: là những khu vực đb mà Nhà nc xd ở các khu vực hải cảng là chủ yếu, nhằm thúc đẩy mậu dịch đối ngoại. Tại đây hàng hpas k đc phép chế biến (trừ 1 số th phải chế biến nhẹ)
- ✓ khu công nghệ khoa học: là khu vực tập trung các cơ quan KHKT, có cđk cơ sở hạ tầng rất tốt để thu hút vốn đầu tư nc ngoài vào khu vực này để sx ra các sp đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao, nhằm nghiên cứu or tiến hành thực nghiệm các phát minh sáng chế nhằm thúc đẩy trình độ KHKT của nc chủ nhà
- ✓ khu chế xuất:

- theo 1 nhóm chuyên gia ngân hàng thế giới: KCX là 1 lãnh địa CN chuyên môn hóa dành riêng để phục vụ cho XK, tách khỏi chế độ thương mại và thuế quan của nc sở tại, ở đó áp dụng chế độ thương mại tự do
- theo quan niệm của chúng ta: KCX là khu vực CN tập trung chuyên sx hàng XK và thực hiện các dịch vụ sx hàng XK và XK

Trong 4 biện pháp trên thì xây dựng các mặt hàng chủ lực đc coi là quan trọng nhất, bởi mỗi nc đều có những mặt hàng chủ lực riêng, tùy thuộc vào đk tự nhiên cũng như đk kt của nc đó. Do đó việc xd đc mặt hàng chủ lực sẽ giúp mỗi quốc gia tạo đc nguồn hàng và cải biến cơ cấu XK.

Câu 20. Tín dụng XK và quan điểm của WTO đối vs bp này

1. tín dụng XK

a, nhà nc đảm bảo tín dụng XK

Để chiếm lĩnh thị trường nc ngoài, nhiều DN thực hiện việc bán chịu và trả chậm, or dưới hình thức tín dụng hàng hóa vs lãi suất ưu đãi đối vs người mua nc ngoài. Việc bán hàng như vậy thường có những rủi ro dẫn đến sự mất vốn. trong TH đó, để khuyến khích các DN mạnh dạn XK hàng hóa bằng cách bán chịu, quỹ bảo hiểm XK của nhà nc đứng ra bảo hiểm, đền bù nếu bị mất vốn.

Nhà nc đứng ra đảm bảo tín dụng XK ngoài việc thúc đẩy Xk còn nâng giá bán hàng vì giá bán bao gồm cả bán trả tiền ngay và phí tổn đảm bảo lợi tức.

b, Bảo hiểm tín dụng

Thực hiện để khuyến khích các DN mạnh dạn XK bằng cách bán chịu. quỹ BHHX của nhà nc đứng ra bảo hiểm đền bù nếu bị mất vốn.

c, Nhà nc cấp tín dụng XK

gồm 2 hình thức: - nhà nc cấp tín dụng cho nc ngoài

- nhà nc cấp tín dụng cho DN XK trong nc

nhà nc cấp tín dụng cho nc ngoài

Nhà nc trực tiếp chon c ngoài vay tiền vs lãi suất ưu đãi để nc vay sd số tiền đó mua hàng của nc cho vay. Nguồn vốn cho vay thường lấy từ ngân sách nhà nc. Việc cho vay này thường kèm theo các đk kt và chính trị có lợi cho nc cho vay

Tác dụng of hình thức này:

- ✓ giúp DN đẩy mạnh đc XK vì có sẵn thị trường
- ✓ giải quyết tình trạng dư thừa hàng hóa ở trong nc

nhà nc cấp tín dụng cho DN XK trong nc

1. tín dụng trước khi giao hàng

Loại tín dụng ngân hàng này cần cho người Xk để đảm bảo cho các khoản CP:

- mua nguyên vật liệu
- sx hàng Xk
- sx bao bì cho Xk
- cp vận chuyển hàng ra đến cảng, sân bay,...đề XK
- trả tiền cước bảo hiểm, thuế

2. tín dụng XK sau khi giao hàng

Đây là loại tín dụng do ngân hàng cấp dưới hình thức mua (chiết khấu) hối phiếu XK or bằng cách tạm ứng theo các chứng từ hàng hóa. Tín dụng sau khi giao hàng thường đc vay để trả các khoản tín dụngtrwosc khi giao hàng. Nó đc vay cho các khoản tiền thuế sẽ đc hoàn lại trong tương lai cho người Xk

2. quan điểm của WTO

Những hình thức này có tác dụng tốt cho Xk nhưng dễ vi phạm quy định của WTO vì đây chính là những hành vi can thiệp tài chính của các nhà nc. Mặc dù nhiều nc đã áp dụng trong đó có cả những nc pt tuy nhiên VN ít thực hiện biện pháp này do hạn chế về tiềm lực tài chính.

Câu 21. K/ mặt hàng chủ lực? tại sao mặt hàng XK chủ lực của các quốc gia thường có sự thay đổi? hàng XK chủ lực của VN hiện nay là những mặt hàng nào?

Khái niệm

Hàng chủ lực là loại hàng chiếm vị trí quyết định trong kim ngạch XK do có thị trường ngoài nước và đk sx trong nc thuận lợi

Mặt hàng XK chủ lực của các quốc gia thường có sự thay đổi vì:

- ✓ Nhu cầu tiêu dùng của thế giới về các mặt hàng luôn thay đổi
- ✓ Thị trường tiêu thụ nước ngoài có thể thay đổi do thay đổi về nhu cầu tiêu dùng của người dân, thay đổi về chế độ chính trị, khủng hoảng kt...
- ✓ Điều kiện sx 1 số mặt hàng thay đổi (những thay đổi do thời tiết, khí hậu k ổn định, thiên tai, hỏa hoạn; sự thay đổi về chính sách của chính phủ...)
- ✓ Trình độ khoa học kỹ thuật ngày càng pt nên các quốc gia có thể sx đc nhiều mặt hàng mới

Các mặt hàng XK chủ lực của VN hiện nay:

- ✓ Điện thoại các loại và linh kiện
- ✓ Hàng dệt may
- ✓ Điện tử, máy tính và linh kiện
- ✓ Giày dép
- ✓ Hàng thủy sản
- ✓ Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ
- ✓ Dầu thô
- ✓ Gỗ và sp từ gỗ
- ✓ Phương tiện vận tải và phụ tùng
- ✓ Cà phê

Câu 22. So sánh 2 bp Nhà nc bảo đảm tín dụng XK và nhà nc cấp tín dụng XK. Tại sao nhà nc thường chỉ đảm bảo đền bù 60-70% khoản tín dụng?

Giống nhau: đều là các bp tín dụng nhằm khuyến khích sx và đẩy mạnh Xk của nhà nc

Khác nhau:

Nhà nc đảm bảo tín dụng XK	nhà nc cấp tín dụng XK
+ nguồn vốn lấy quỹ bảo hiểm XK của Nhà nước + nhà nc đền bù nếu bị mất vốn	+ nguồn vốn lấy từ ngân sách nhà nc + nhà nc trực tiếp cho nc ngoài vay tiền or cấp tín dụng cho các dn xk trong nc

Nhà nc chỉ đảm bảo đền bù 60-70% khoản tín dụng để các nhà Xk phải quan tâm đến việc kiểm tra khả năng thanh toán của các nhà NK và quan tâm đến việc thu tiền bán hàng sau khi hết thời hạn tín dụng.

Câu 23. Biện pháp trợ cấp Xk và quan điểm của WTO đối vs bp này

1. Trợ cấp XK

Khái niệm

Là những ưu đãi tài chính mà nhà nc dành cho người xk khi họ bán hàng hóa ra thị trường nước ngoài

Mục đích

- ✓ giúp nhà XK tăng thu nhập
- ✓ nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xk -> đẩy mạnh đc XK

Hình thức

- ✓ trợ cấp trực tiếp: áp dụng thuế suất ưu đãi đối vs hàng xk, miễn giảm thuế đối vs các nhà xk để sx hàng hóa XK... Cho các ngành XK đc hưởng các giá ưu đãi cho các đầu vào sx hàng XK như điện, nc, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, trợ giá Xk
- ✓ trợ cấp gián tiếp: dùng ngân sách nhà nc để giới thiệu, triển lãm, quảng cáo, tạo đk thuận lợi cho các giao dịch xk or nhà nc giúp đỡ kỹ thuật và đào tạo chuyên gia

Tác dụng

- ✓ góp phần phát triển công nghiệp nội địa và thúc đẩy xuất khẩu
- ✓ góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành, cơ cấu vùng kinh tế, kích thích lan truyền hiệu ứng tích cực và khắc phục hiệu ứng tiêu cực
- ✓ được dùng như 1 công cụ để mặc cả trong đàm phán quốc tế

Hạn chế

- ✓ bóp méo tín hiệu thị trường trong thương mại tự do
- ✓ cơ chế hội rất lớn và về dài hạn trợ cấp có thể cản trở sự phát triển của chính ngành được trợ cấp do tạo nên sự độc quyền, ỷ lại do có sự ưu đãi của nhà nước
- ✓ kém hiệu quả về mặt tài chính ngân sách
- ✓ xác suất chọn sai đối tượng trợ cấp khá cao
- ✓ có thể dẫn tới hành động trả đũa

2. quan điểm của WTO

WTO khuyến khích nhưng cũng không hoàn toàn cấm trợ cấp. Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng SCM đưa ra 3 mức hộp đỏ, hộp vàng, hộp xanh và hiệp định nông sản AOA đưa ra hộp màu hổ phách, hộp xanh da trời, hộp xanh lá cây tương ứng với 3 mức độ trợ cấp là cấm trợ cấp, được phép trợ cấp nhưng có thể bị khiếu kiện, được phép trợ cấp

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com